

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 591/2017/HSPT
Ngày: 16/11/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Huân

Các Thẩm phán:

1. Ông Ngô Ngọc Thắng
2. Ông Vũ Hoài Nam

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lưu Quốc Khánh – Thư ký
Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên
tòa:* Bà Nguyễn Thị Diễm Khanh – Kiểm sát viên

Ngày 16/11/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 551/2017/HSPT ngày 10/10/2017 đối với bị cáo Lê Thanh L do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: **Lê Thanh L**, sinh năm 1985, tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: B22/7 đường 51, Khu phố 5, phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: (không có nơi cư trú ổn định); nghề nghiệp: (không có); trình độ văn hóa: (không biết chữ); họ tên cha: (không rõ); họ tên mẹ: Lê Thị P (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án:

-Ngày 29/10/2002 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự sơ thẩm số 1577/HSST (bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2006 nhưng chưa thi hành phần dân sự là bồi thường thiệt hại, án phí);

-Ngày 24/4/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (theo bản án hình sự sơ thẩm số 38/2014/HS-ST).

Tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 30/3/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

NHẬN THẤY:

Theo bản cáo trạng số 36/CTr-VKS-HS ngày 24/7/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh và bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh thì nội dung vụ án như sau:

Khoảng 19 giờ 00 phút ngày 30/3/2017, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh kết hợp với Công an xã P K, huyện NB kiểm tra hành chính phòng trọ thuộc căn nhà số 45 Ấp 4, xã Phước Kiển, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại đây, lực lượng Công an phát hiện dưới sàn gỗ trên gác của phòng trọ bên cạnh nơi Lê Thanh L đang ngồi có một gói nylon, bên trong có chứa tinh thể không màu. Qua làm việc, L khai nhận tinh thể không màu vừa nêu là ma túy đá do L mua của đối tượng tên Tuấn (không rõ lai lịch) với giá 1.800.000đ; mục đích cất giữ để sử dụng cho bản thân. Lực lượng công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ, niêm phong vật chứng.

Tại Bản kết luận giám định số 716/KLGH-H ngày 22/5/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an Thành phố Hồ Chí Minh xác định: Tinh thể không màu bên trong gói nylon được niêm phong bên ngoài có chữ ký ghi tên Lê Thanh L và hình dấu Công an xã Phước Kiển, huyện NB gửi đến giám định là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 1,3163g loại Methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, các Điều 28, 33, 45 và điểm b khoản 2 Điều 49 của Bộ luật hình sự năm 199, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự);

Xử phạt Lê Thanh L 7 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

Ngoài ra, bản án còn tuyên xử lý vật chứng, quyền kháng cáo của bị cáo.

Ngày 13/9/2017, bị cáo có đơn kháng cáo với nội dung: Mức án 7 năm 6 tháng tù mà Tòa án nhân dân huyện NB tuyên phạt đối với bị cáo là quá nặng nên bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị cáo giữ nguyên nội dung đã kháng cáo và bổ sung lý do kháng cáo như sau: Bị cáo đề nghị được xem xét giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự năm 2015.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện NB xử phạt bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự là có căn cứ; mức án đã tuyên phạt là tương xứng với tính chất mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ bị cáo được hưởng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên và bị cáo,

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng và bản án sơ thẩm đã nhận định. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với biên bản bắt giữ người có hành vi phạm tội quả tang do Công an xã Phước Kiển, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh lập lúc 19 giờ 25 phút ngày 30/3/2017 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ. Do vậy, có căn cứ để xác định: Bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép 1,3163g ma túy loại Methamphetamine để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai trái bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do lối sống đua đòi, buông thả nên bị cáo đã lao vào con đường nghiện ma túy và dẫn đến việc phạm tội.

Bị cáo là người có 2 án tích chưa được xóa: Ngày 29/10/2002 bị cáo bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 (bốn) năm tù về tội “Cố ý gây thương tích” theo bản án hình sự sơ thẩm số 1577/HSST (bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/3/2006 nhưng chưa thi hành việc bồi thường thiệt hại và nộp án phí); ngày 06/9/2013, bị cáo lại tiếp tục có hành vi cướp giật tài sản nên ngày 24/4/2014 bị Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 (bốn) năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 38/2014/HS-ST (bị cáo chấp hành xong án phạt tù của bản án vừa nêu vào ngày 06/10/2016 do được giảm án). Trong khi các án tích đã nêu chưa được xóa thì bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Do vậy, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 49

Bộ luật hình sự, lần phạm tội này của bị cáo được xác định thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”.

Đối chiếu với quy định của luật pháp, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án bị cáo theo tội danh, điều luật như đã nêu là có căn cứ. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là đúng pháp luật.

Tuy nhiên, theo Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015) thì hình phạt quy định đối với tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” là nhẹ hơn so với hình phạt quy định tại Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự năm 1999). Cụ thể, mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là từ 5 năm đến 10 năm tù, còn mức hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là từ 7 năm đến 15 năm tù. Mặt khác, khối lượng ma túy mà bị cáo tàng trữ là không lớn (vừa vượt qua mức khởi điểm làm căn cứ truy tố theo quy định của pháp luật hiện hành); bị cáo có tình tiết giảm nhẹ (như đã nêu) và không có tình tiết tăng nặng. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 7 năm 6 tháng tù là có phần nặng.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248 Bộ luật tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thanh L; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 38/2017/HSST ngày 31/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên bố bị cáo Lê Thanh L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm p khoản 2 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt Lê Thanh L 7 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2017.

2. Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP. HCM; (3)
- VKSND huyện NB; (1)
- P. PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Trại giam; (2)
- Đường sự; (2)
- Chi Cục THA huyện NB; (1)
- TAND huyện NB; (2)
- Công an huyện NB; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- UBND xã, phường nơi bị cáo cư trú; (1)
- Lưu: THS, hồ sơ, VT (23). (4)

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân